

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 65/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2026

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 5 Ngày: 17/3/2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phục hồi, phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phục hồi, phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định chi tiết khoản 2 Điều 9 và Điều 21 của Luật Phục hồi, phá sản về tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề, việc cấp, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản; quản lý nhà nước đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

2. Quy định biện pháp thi hành Luật Phục hồi, phá sản về bồi dưỡng nghề Quản tài viên, bồi dưỡng nghiệp vụ Quản tài viên hằng năm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, cơ quan quản lý nhà nước về Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

Điều 3. Nguyên tắc hành nghề quản lý, thanh lý tài sản

- Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.
- Tuân theo Quy tắc đạo đức nghề nghiệp Quản tài viên.

3. Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ, tính trung thực, minh bạch, khách quan.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động hành nghề.

Điều 4. Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

1. Tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định này trên môi trường điện tử bao gồm:

a) Người đề nghị cấp, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên quy định tại Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 9 của Nghị định này;

b) Quản tài viên đăng ký hành nghề với tư cách cá nhân, đăng ký thay đổi thông tin đăng ký hành nghề quy định tại Điều 13, khoản 1 Điều 17 của Nghị định này;

c) Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đăng ký hành nghề, đăng ký thay đổi thông tin đăng ký hành nghề quy định tại Điều 14, khoản 2 Điều 17 của Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ điện tử, kê khai mẫu đơn, tờ khai điện tử theo yêu cầu của hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến như sau:

a) Khai mẫu đơn, tờ khai trên các biểu mẫu điện tử được cung cấp sẵn; ký chữ ký số vào mẫu đơn, tờ khai, giấy tờ, tài liệu điện tử nếu có yêu cầu;

b) Đăng tải các giấy tờ, tài liệu điện tử hợp lệ hoặc dẫn nguồn tài liệu từ Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân.

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

4. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính khai thác thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin theo quy định pháp luật để giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, không yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp, xuất trình những giấy tờ, tài liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin này, trừ trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác không đầy đủ, không chính xác.

Chương II

QUẢN TÀI VIÊN, DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN

Điều 5. Tiêu chuẩn, điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên

1. Người có đủ các tiêu chuẩn sau đây thì được xem xét cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên:

a) Luật sư hoặc kiểm toán viên là người Việt Nam; luật sư nước ngoài hoặc kiểm toán viên là người nước ngoài được phép hành nghề tại Việt Nam; người có trình độ cử nhân hoặc thạc sĩ hoặc tiến sĩ về một trong các chuyên ngành luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên trong lĩnh vực được đào tạo;

b) Đã hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề Quản tài viên.

2. Các trường hợp không được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên:

a) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích; người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, đặc khu, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Người bị mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

c) Người đang là cán bộ, công chức, viên chức, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; đang là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, binh sĩ trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; đang là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;

d) Người thuộc một trong những trường hợp quy định tại điểm này mà chưa hết thời hạn 03 năm kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực thi hành: Cán bộ bị kỷ luật bằng hình thức bãi nhiệm; công chức, viên chức bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, binh sĩ trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân bị kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu quân nhân hoặc buộc thôi việc; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân bị kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu Công an nhân dân hoặc buộc thôi việc;

đ) Luật sư, kiểm toán viên bị thu hồi chứng chỉ hành nghề do vi phạm pháp luật mà chưa hết thời hạn 03 năm kể từ ngày quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề có hiệu lực thi hành;

e) Người bị cấm hành nghề luật sư, kiểm toán viên theo bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Điều 6. Bồi dưỡng nghề Quản tài viên

1. Người được đăng ký tham dự khóa bồi dưỡng nghề Quản tài viên bao gồm:

a) Luật sư hoặc kiểm toán viên là người Việt Nam; luật sư nước ngoài hoặc kiểm toán viên là người nước ngoài được phép hành nghề tại Việt Nam;

b) Người có bằng cử nhân hoặc thạc sĩ hoặc tiến sĩ về một trong các chuyên ngành luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng.

2. Thời gian bồi dưỡng nghề Quản tài viên là 03 tháng; trường hợp người tham gia bồi dưỡng là luật sư, kiểm toán viên đã hành nghề từ đủ 03 năm trở lên thì thời gian bồi dưỡng nghề Quản tài viên là 1,5 tháng.

3. Chương trình bồi dưỡng nghề Quản tài viên bao gồm: Quy định pháp luật về Quản tài viên, quản lý, thanh lý tài sản và các quy định pháp luật khác có liên quan; Quy tắc đạo đức nghề nghiệp Quản tài viên; kiến thức và kỹ năng hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; các kỹ năng hỗ trợ cho hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

Cơ sở có chức năng đào tạo, bồi dưỡng các chức danh tư pháp thuộc Bộ Tư pháp xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, phê duyệt chương trình bồi dưỡng nghề Quản tài viên và tổ chức các khóa bồi dưỡng này.

4. Người hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề Quản tài viên được cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng nghề Quản tài viên.

Điều 7. Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên

1. Người đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 5 của Nghị định này có quyền đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) nơi mình cư trú cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên.

2. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên theo Mẫu TP-QTV-01 (đối với người đề nghị là công dân Việt Nam) hoặc Mẫu TP-QTV-02 (đối với người đề nghị là luật sư nước ngoài, kiểm toán viên là người nước ngoài được phép hành nghề tại Việt Nam) kèm theo Nghị định này và 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm được chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ;

b) Thẻ luật sư đối với luật sư Việt Nam; Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam đối với luật sư nước ngoài; Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán đối với kiểm toán viên Việt Nam hoặc kiểm toán viên là người nước ngoài; bằng cử nhân hoặc thạc sĩ hoặc tiến sĩ đối với người có trình độ cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ về một trong các chuyên ngành luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng kèm theo xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc về thời gian công tác liên tục hoặc cộng dồn từ đủ 05 năm trở lên trong lĩnh vực được đào tạo;

c) Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghề Quản tài viên.

Giấy tờ quy định tại điểm b, c khoản này là bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản chính điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính.

3. Người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên lập 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Tư pháp nơi người đó cư trú hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp xem xét, có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên; trường hợp từ chối đề nghị phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên theo Mẫu TP-QTV-09 kèm theo Nghị định này; trường hợp từ chối cấp chứng chỉ phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do.

5. Trường hợp thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên chưa đầy đủ, chưa thống nhất hoặc cần xác minh, Sở Tư pháp hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh yêu cầu người đề nghị giải trình, bổ sung thông tin hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xác minh thông tin. Thời hạn quy định tại khoản 4 Điều này được tính từ ngày Sở Tư pháp hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhận được kết quả bổ sung, làm rõ hoặc xác minh thông tin.

Điều 8. Thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên

1. Người được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên bị thu hồi chứng chỉ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Thôi hành nghề Quản tài viên theo nguyện vọng cá nhân;

b) Được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động giữ một trong các vị trí công tác quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 của Nghị định này;

c) Bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

d) Bị kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật;

đ) Bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, đặc khu, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

e) Hành nghề Quản tài viên khi chưa được Sở Tư pháp ghi tên vào danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương hoặc hành nghề trong thời gian bị tạm đình chỉ hành nghề;

g) Không đăng ký hành nghề Quản tài viên trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày được cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên hoặc không tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ Quản tài viên hằng năm từ 03 lần trở lên;

h) Đồng thời hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại hai doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trở lên mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 11 của Nghị định này hoặc vừa hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản vừa hành nghề với tư cách cá nhân;

i) Quản tài viên là luật sư, kiểm toán viên bị thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy phép hành nghề, giấy chứng nhận đăng ký hành nghề hoặc các giấy phép, giấy chứng nhận này hết thời hạn hiệu lực;

k) Thuộc trường hợp không được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên tại thời điểm được cấp chứng chỉ.

2. Khi có căn cứ cho rằng người đã được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g, h, i và k khoản 1 Điều này, cá nhân, cơ quan, tổ chức có văn bản đề nghị thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên kèm theo tài liệu làm căn cứ đề nghị thu hồi gửi Sở Tư pháp nơi Quản tài viên đang hành nghề hoặc Sở Tư pháp nơi hành nghề cuối cùng của Quản tài viên; trường hợp Quản tài viên chưa hành nghề tại địa phương nào thì gửi về Sở Tư pháp nơi đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên.

Quản tài viên thôi hành nghề theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này có đơn đề nghị thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên theo Mẫu TP-QTV-03 kèm theo Nghị định này, nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Tư pháp theo quy định tại khoản này hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của Quản tài viên thôi hành nghề theo nguyện vọng cá nhân hoặc văn bản đề nghị thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên kèm theo tài liệu làm căn cứ đề nghị thu hồi hoặc trong trường hợp tự mình phát hiện Quản tài viên thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Tư pháp xem xét, có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của người đó; trường hợp từ chối đề nghị phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên; trường hợp từ chối thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do.

4. Quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên được gửi cho người bị thu hồi chứng chỉ, Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố nơi Quản tài viên đăng ký hành nghề với tư cách cá nhân hoặc nơi doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản mà người bị thu hồi chứng chỉ hành nghề có trụ sở.

5. Quản tài viên bị thu hồi chứng chỉ hành nghề thì bị xóa tên khỏi danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản. Quản tài viên không được hành nghề kể từ thời điểm quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên có hiệu lực thi hành.

Điều 9. Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên

1. Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên được xem xét cấp lại trong các trường hợp sau đây:

a) Người đã bị thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 5 của Nghị định này và lý do bị thu hồi chứng chỉ không còn;

b) Chứng chỉ bị mất hoặc bị hư hỏng không thể sử dụng được.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đã thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên có thẩm quyền cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Trình tự, thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên được thực hiện theo quy định về cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên tại Điều 7 của Nghị định này.

Hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên theo Mẫu TP-QTV-04 kèm theo Nghị định này và 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm được chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ;

b) Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Việc cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Hồ sơ đề nghị gồm đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên theo Mẫu TP-QTV-05 kèm theo Nghị định này và 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm được chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ; chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với trường hợp chứng chỉ bị hư hỏng không thể sử dụng được;

b) Người đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên lập 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Tư pháp nơi đã cấp chứng chỉ hành nghề đó hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp xem xét, có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên cho người đề nghị; trường hợp từ chối đề nghị phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Sở Tư pháp có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên cho người đề nghị; trường hợp từ chối cấp lại phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do.

Điều 10. Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

1. Doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản được tổ chức và hoạt động theo loại hình công ty hợp danh hoặc doanh nghiệp tư nhân.

2. Tên gọi của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bao gồm cụm từ “Công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản” hoặc “Doanh nghiệp tư nhân quản lý, thanh lý tài sản”, kèm theo tên riêng của doanh nghiệp do các thành viên hợp danh thỏa thuận lựa chọn hoặc do chủ doanh nghiệp tư nhân quyết định.

3. Chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản cử ít nhất 01 Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp mình để hành nghề tại chi nhánh.

Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không được hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản gửi văn bản thông báo cho Sở Tư pháp nơi doanh nghiệp có trụ sở chính; trong trường hợp doanh nghiệp thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại tỉnh, thành phố khác với nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính thì doanh nghiệp gửi văn bản thông báo cho Sở Tư pháp nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện đó.

Điều 11. Thành viên hợp danh của công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản; chủ doanh nghiệp tư nhân quản lý, thanh lý tài sản

1. Công ty hợp danh hành nghề quản lý, thanh lý tài sản có từ 02 thành viên hợp danh trở lên là Quản tài viên; Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty hợp danh là Quản tài viên.

Thành viên hợp danh là Quản tài viên của công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản không được đồng thời làm chủ doanh nghiệp tư nhân hành nghề quản lý, thanh lý tài sản hoặc thành viên hợp danh của công ty hợp danh hành nghề quản lý, thanh lý tài sản khác để hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại.

2. Doanh nghiệp tư nhân hành nghề quản lý, thanh lý tài sản có chủ doanh nghiệp là Quản tài viên, đồng thời là Giám đốc.

3. Khi thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân quản lý, thanh lý tài sản thì chậm nhất là 07 ngày làm việc sau khi thực hiện việc thay đổi, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân phải đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản cho thành viên hợp danh mới hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân mới. Trình tự, thủ tục đăng ký được thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 14 của Nghị định này. Thành viên hợp danh mới của công ty hợp danh, chủ doanh nghiệp tư nhân mới phải tuân theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương III

HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN

Điều 12. Hình thức hành nghề của Quản tài viên

1. Các hình thức hành nghề của Quản tài viên bao gồm:

a) Hành nghề với tư cách cá nhân;

b) Hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thông qua việc thành lập hoặc tham gia thành lập hoặc làm việc theo hợp đồng cho doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

2. Tại cùng một thời điểm, người có chứng chỉ hành nghề Quản tài viên chỉ được đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản theo một trong các hình thức quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Quản tài viên hành nghề với tư cách cá nhân đăng ký nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 13. Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân

1. Hồ sơ đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân theo Mẫu TP-QTV-06 kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản chính điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính chứng chỉ hành nghề Quản tài viên.

2. Quản tài viên đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Tư pháp nơi người đó muốn hành nghề hoặc trực

tuyên trên môi trường điện tử theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp xem xét, ghi tên Quản tài viên vào danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương theo Mẫu TP-QTV-08 kèm theo Nghị định này; trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do.

Trường hợp thông tin trong hồ sơ đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân chưa đầy đủ, chưa thống nhất hoặc cần xác minh, Sở Tư pháp yêu cầu người đề nghị giải trình, bổ sung thông tin hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xác minh thông tin. Thời hạn quy định tại khoản này được tính từ ngày Sở Tư pháp nhận được kết quả bổ sung, làm rõ hoặc xác minh thông tin.

4. Quản tài viên được hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân kể từ ngày được Sở Tư pháp ghi tên vào danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương.

Trường hợp Quản tài viên hành nghề với tư cách cá nhân chấm dứt việc hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thì chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày dự kiến chấm dứt phải gửi văn bản thông báo cho Sở Tư pháp nơi người đó đang hành nghề. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, Sở Tư pháp xem xét, quyết định xóa tên Quản tài viên đó khỏi danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương.

5. Những người sau đây không được đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân:

a) Đang đề nghị thu hồi hoặc bị xem xét thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này;

b) Đang bị cấm hành nghề quản lý, thanh lý tài sản theo bản án, quyết định đã có hiệu lực của Tòa án.

6. Luật sư, kiểm toán viên được đồng thời hành nghề quản lý, thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật về phục hồi, phá sản.

Điều 14. Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp có đủ điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 của Nghị định này được đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, đồng thời đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản cho các Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp của mình. Người thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 13 của Nghị định này thì không được đăng ký hành nghề quản lý, thanh

lý tài sản trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

2. Hồ sơ đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản theo Mẫu TP-QTV-07 kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản chính điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của các Quản tài viên đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp;

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Doanh nghiệp chỉ phải nộp giấy chứng nhận này trong trường hợp Sở Tư pháp không khai thác được thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác).

3. Doanh nghiệp đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Tư pháp nơi doanh nghiệp đặt trụ sở hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp xem xét, ghi tên doanh nghiệp vào danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương theo Mẫu TP-QTV-08 kèm theo Nghị định này, thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp đó; trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do.

Trong thời hạn quy định tại khoản này, nếu thấy hồ sơ đề nghị chưa đầy đủ, chưa thống nhất hoặc cần xác minh liên quan đến thành viên hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty hợp danh, những người khác hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong công ty hợp danh (nếu có); chủ doanh nghiệp tư nhân, những người khác hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong doanh nghiệp tư nhân (nếu có), Sở Tư pháp yêu cầu doanh nghiệp nộp hồ sơ giải trình, bổ sung thông tin hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xác minh thông tin. Thời hạn quy định tại khoản này được tính từ ngày Sở Tư pháp nhận được kết quả bổ sung, làm rõ hoặc xác minh thông tin.

5. Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản được hành nghề quản lý, thanh lý tài sản kể từ ngày được Sở Tư pháp ghi tên vào danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương.

Trường hợp doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản chấm dứt hoạt động, chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thì chậm nhất là 03 ngày làm việc

trước ngày dự kiến chấm dứt phải gửi văn bản thông báo cho Sở Tư pháp. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, Sở Tư pháp xem xét, quyết định xóa tên doanh nghiệp đó khỏi danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

Điều 15. Trách nhiệm của Quản tài viên trong hoạt động hành nghề

1. Tuân thủ các nguyên tắc hành nghề quản lý, thanh lý tài sản quy định tại Điều 3 của Nghị định này và không được thực hiện các hành vi sau đây:

a) Cho thuê, cho mượn hoặc cho cá nhân, tổ chức khác sử dụng chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của mình để hành nghề quản lý, thanh lý tài sản;

b) Thông đồng, móc nối với doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán để làm sai lệch các nội dung liên quan đến hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản;

c) Gợi ý, thỏa thuận hoặc nhận tiền, tài sản hoặc các lợi ích khác từ người tham gia thủ tục phục hồi, phá sản hoặc lợi dụng danh nghĩa Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để thu lợi từ cá nhân, tổ chức ngoài chi phí Quản tài viên được nhận theo quy định của pháp luật;

d) Lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn để thông đồng với cá nhân, tổ chức nhằm mục đích vụ lợi;

đ) Tiết lộ thông tin về tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán mà mình biết được trong quá trình hành nghề, trừ trường hợp được doanh nghiệp, hợp tác xã đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Ký báo cáo, văn bản về kết quả thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về phục hồi, phá sản.

3. Báo cáo và tuân thủ quyết định của Chấp hành viên trong quá trình thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

4. Quản tài viên hành nghề với tư cách cá nhân báo cáo Sở Tư pháp nơi đăng ký hành nghề về hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của mình theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

5. Tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ Quản tài viên hằng năm do cơ sở có chức năng đào tạo, bồi dưỡng quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị định này tổ chức với thời gian tối thiểu là 01 ngày làm việc/năm (08 giờ/năm).

Quản tài viên được tính là hoàn thành nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ Quản tài viên trong năm nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Là thành viên Tổ soạn thảo, Hội đồng thẩm định văn bản quy phạm pháp luật về phục hồi, phá sản hoặc quản lý, thanh lý tài sản;

b) Tham gia giảng dạy, làm báo cáo viên trong các chương trình tập huấn, hội thảo, tọa đàm, tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng về phục hồi, phá sản hoặc quản lý, thanh lý tài sản;

c) Tham gia Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ trở lên về phục hồi, phá sản hoặc quản lý, thanh lý tài sản.

6. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Phục hồi, phá sản, Nghị định này và các nghĩa vụ theo quy định pháp luật có liên quan.

Điều 16. Trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trong hoạt động hành nghề

1. Quản lý Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp.
2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với hoạt động nghề nghiệp do Quản tài viên mà doanh nghiệp cử theo quy định của Nghị định này.
3. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có trách nhiệm xem xét, ký các văn bản do Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp mình thực hiện.
4. Báo cáo Chấp hành viên và tuân thủ quyết định của Chấp hành viên trong quá trình thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.
5. Báo cáo Sở Tư pháp nơi đăng ký hành nghề về hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

6. Không được thực hiện các hành vi sau đây:

- a) Hành vi quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 15 của Nghị định này;
- b) Cho cá nhân, tổ chức khác sử dụng tên, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của mình để hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

7. Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Phục hồi, phá sản, Nghị định này và các nghĩa vụ theo quy định pháp luật có liên quan.

Điều 17. Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản

1. Khi có thay đổi về địa chỉ giao dịch trong hồ sơ đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi, Quản tài viên hành nghề với tư cách cá nhân có văn bản đề nghị điều chỉnh

thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Tư pháp nơi Quản tài viên đăng ký hành nghề hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Quản tài viên, Sở Tư pháp thay đổi thông tin về địa chỉ giao dịch của Quản tài viên trong danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương.

2. Khi có thay đổi tên, địa chỉ trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, người đại diện theo pháp luật, danh sách Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày được bổ sung vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Tư pháp nơi doanh nghiệp đăng ký hành nghề hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của doanh nghiệp, Sở Tư pháp thay đổi thông tin về tên, địa chỉ trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, người đại diện theo pháp luật, danh sách Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp trong danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương.

Trong trường hợp doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bổ sung Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải đăng ký hành nghề cho người được bổ sung. Trình tự, thủ tục đăng ký cho Quản tài viên được bổ sung vào doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 14 của Nghị định này.

Điều 18. Tạm đình chỉ hành nghề đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

1. Quản tài viên bị tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- b) Đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính;
- c) Quản tài viên là luật sư bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc bị xử lý kỷ luật bằng hình thức tạm đình chỉ tư cách thành viên Đoàn luật sư theo quy định của pháp luật về luật sư;
- d) Quản tài viên là kiểm toán viên hành nghề bị tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán, bị đình chỉ hành nghề kiểm toán; Quản tài viên là kiểm toán viên bị tước quyền sử dụng chứng chỉ kiểm toán

viên theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bị tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong các trường hợp sau đây:

a) Công ty hợp danh thay đổi thành viên hợp danh hoặc doanh nghiệp tư nhân thay đổi chủ doanh nghiệp mà không bảo đảm điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 của Nghị định này;

b) Thành viên hợp danh của công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản bị tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều này dẫn đến công ty không bảo đảm điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 11 của Nghị định này; chủ doanh nghiệp tư nhân quản lý, thanh lý tài sản bị tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều này dẫn đến doanh nghiệp tư nhân không bảo đảm điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 11 của Nghị định này;

c) Doanh nghiệp phải tạm ngừng hoạt động theo quy định pháp luật.

3. Thời gian tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều này tối đa là 12 tháng. Trường hợp thời gian tạm đình chỉ đã hết mà lý do tạm đình chỉ vẫn còn thì thời gian tạm đình chỉ tiếp tục được kéo dài không quá 12 tháng.

Thời gian tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với trường hợp quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này thực hiện theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền hoặc quyết định xử lý kỷ luật của Đoàn luật sư.

4. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản được hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trước thời hạn trong các trường hợp sau đây:

a) Có quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án hoặc bản án đã có hiệu lực của Tòa án tuyên không có tội đối với Quản tài viên quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Quản tài viên không còn bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Công ty hợp danh hoặc doanh nghiệp tư nhân đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 của Nghị định này.

5. Sở Tư pháp có thẩm quyền tạm đình chỉ, gia hạn, hủy bỏ việc tạm đình chỉ hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên, doanh

ng nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

6. Quyết định tạm đình chỉ, gia hạn và hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản được gửi cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố nơi Quản tài viên hành nghề với tư cách cá nhân có địa chỉ giao dịch hoặc nơi doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản mà Quản tài viên bị tạm đình chỉ đang hành nghề có trụ sở.

7. Trường hợp Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đang tham gia vụ việc phục hồi, phá sản bị tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải gửi văn bản thông báo về việc bị tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản cho Thẩm phán đang giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản.

Điều 19. Thông báo tham gia vụ việc phục hồi, phá sản của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản chỉ định của Thẩm phán giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản, Quản tài viên hành nghề với tư cách cá nhân gửi văn bản thông báo tham gia vụ việc phục hồi, phá sản cho Thẩm phán, trong đó ghi rõ tên, số, ngày cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên; trường hợp từ chối tham gia vụ việc phục hồi, phá sản thì Quản tài viên phải thông báo bằng văn bản.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản chỉ định của Thẩm phán giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản gửi văn bản cử Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp của mình đại diện cho doanh nghiệp tham gia vụ việc phục hồi, phá sản cho Thẩm phán, trong đó ghi rõ tên, số, ngày cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của Quản tài viên hoặc các Quản tài viên được cử; trường hợp từ chối tham gia vụ việc phục hồi, phá sản thì doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản.

3. Trong trường hợp Quản tài viên được doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản cử theo quy định tại khoản 2 Điều này bị tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản theo quy định tại Điều 18 của Nghị định này thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Quản tài viên được cử bị tạm đình chỉ hành nghề, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản cử Quản tài viên khác hành nghề trong doanh nghiệp thay thế.

Trường hợp doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không thể cử Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp thay thế thì thông báo bằng văn bản cho Thẩm phán giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản để chỉ định Quản tài viên khác hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản khác.

Điều 20. Thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

1. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đang tham gia vụ việc phục hồi, phá sản bị Thẩm phán quyết định thay đổi trong các trường hợp sau đây:

a) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật Phục hồi, phá sản;

b) Thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản theo quy định tại Điều 18 của Nghị định này.

2. Việc xử lý tiền tạm ứng chi phí, thanh toán chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Trường hợp thay đổi theo quy định tại điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 11 của Luật Phục hồi, phá sản thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải trả lại toàn bộ tiền tạm ứng chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản;

b) Trường hợp thay đổi theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 11 của Luật Phục hồi, phá sản hoặc điểm b khoản 1 Điều này thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản được thanh toán chi phí tương ứng với phần công việc đã thực hiện.

3. Quyết định thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải ghi rõ việc xử lý tiền tạm ứng chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bị thay đổi và gửi ngay cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, người tham gia thủ tục phục hồi, phá sản.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bị thay đổi phải thực hiện bàn giao toàn bộ công việc đã thực hiện cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản mới; trường hợp chưa có Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản mới thì việc bàn giao được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản mới.

5. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bị thay đổi không thực hiện bàn giao theo quy định tại khoản 4 Điều này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trong phục hồi, phá sản

1. Chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bao gồm thù lao Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và chi phí khác. Chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản được thanh toán từ giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Phục hồi, phá sản.

2. Thù lao được tính dựa trên các căn cứ sau đây:

- a) Thời gian Quản tài viên sử dụng để thực hiện nhiệm vụ;
- b) Công sức của Quản tài viên trong việc thực hiện nhiệm vụ;
- c) Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Quản tài viên.

3. Thù lao được tính dựa trên một hoặc các phương thức sau đây:

- a) Tính theo thời gian làm việc của Quản tài viên;
- b) Mức thù lao trọn gói;
- c) Mức thù lao tính theo tỷ lệ phần trăm tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản thu được sau khi thu hồi hoặc thanh lý.

4. Mức thù lao được xác định cụ thể như sau:

a) Đối với trường hợp Tòa án nhân dân ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật Phục hồi, phá sản thì mức thù lao được xác định trên cơ sở xem xét, áp dụng căn cứ quy định tại khoản 2 và phương thức quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này;

b) Đối với trường hợp Tòa án nhân dân ra quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 63 và khoản 1 Điều 64 của Luật Phục hồi, phá sản thì mức thù lao do Thẩm phán và Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thỏa thuận trên cơ sở xem xét, áp dụng căn cứ quy định tại khoản 2 và phương thức quy định khoản 3 Điều này;

c) Đối với trường hợp Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều 65 của Luật Phục hồi, phá sản thì mức thù lao được xác định như sau:

TT	Tổng giá trị tài sản thu được sau khi thu hồi hoặc thanh lý	Mức thù lao
1	Dưới 100 triệu đồng	10% tổng giá trị tài sản thu được
2	Từ 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	5 tháng lương + 4% của phần giá trị tài sản thu được vượt quá 100 triệu đồng
3	Từ trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	20 tháng lương + 3% của phần giá trị tài sản thu được vượt quá 500 triệu đồng
4	Từ trên 1 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	36 tháng lương + 2% của phần giá trị tài sản thu được vượt quá 1 tỷ đồng
5	Từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	Mức thù lao quy định tại mục 4 của bảng này + 0,5% của phần giá trị tài sản thu được vượt quá 10 tỷ đồng
6	Từ trên 50 tỷ đồng	Mức thù lao quy định tại mục 5 của bảng này + 0,3% của phần giá trị tài sản thu được vượt quá 50 tỷ đồng

(Tháng lương quy định tại điểm này, điểm g khoản này và khoản 8 Điều này là trung bình cộng của mức lương tối thiểu tháng của các vùng theo quy định pháp luật)

d) Đối với trường hợp Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 của Luật Phục hồi, phá sản thì thù lao bao gồm mức thù lao được xác định theo từng trường hợp quy định tại điểm c khoản 4 Điều này cộng với thù lao giám sát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong quá trình doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán thực hiện phương án phục hồi kinh doanh. Thù lao giám sát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp do Thẩm phán và Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thỏa thuận trên cơ sở căn cứ quy định tại khoản 2 và phương thức quy định tại khoản 3 Điều này;

đ) Đối với trường hợp Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 34 của Luật Phục hồi, phá sản thì mức thù lao được xác định trên cơ sở căn cứ quy định tại khoản 2, phương thức quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều này;

e) Đối với trường hợp thực hiện các biện pháp cưỡng chế để thu hồi, giao tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 76 của Luật Phục hồi, phá sản thì mức thù lao quy định tại điểm b khoản 4 Điều này được xác định sau khi trừ chi phí cưỡng chế theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý thanh lý tài sản có văn bản đề nghị Thẩm phán quyết định

mức thù lao. Chấp hành viên thực hiện việc chi trả thù lao cho Quản tài viên theo quyết định của Thẩm phán;

g) Mức thù lao trong các trường hợp quy định tại khoản này bảo đảm tối thiểu là 1,5 tháng lương cho mỗi tháng tham gia của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản; trường hợp số ngày tham gia chưa đủ 01 tháng thì lấy 1,5 tháng lương chia cho 30 ngày và nhân với số ngày tham gia.

5. Trong trường hợp giữa người tham gia thủ tục phục hồi, phá sản hoặc Hội nghị chủ nợ với Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có thỏa thuận khác về mức thù lao quy định tại khoản 4 Điều này thì áp dụng theo thỏa thuận đó.

6. Trong trường hợp phá sản tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 72 của Luật Phục hồi, phá sản thì thù lao Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản được xác định theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều này.

7. Chi phí khác của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bao gồm tiền tàu xe, lưu trú, chi phí thuê địa điểm, nhân sự khi Quản tài viên làm việc ngoài phạm vi tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở; chi phí văn phòng phẩm, bưu chính và các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện hoạt động quản lý, thanh lý tài sản.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Quản tài viên nộp văn bản đề nghị kèm theo chứng từ (hoặc bảng kê) chi phí thực tế phát sinh (nếu có), Thẩm phán phải xem xét và ra quyết định chi trả; trường hợp không chấp nhận một phần hoặc toàn bộ chi phí, Thẩm phán phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do.

Việc thanh, quyết toán chi phí khác của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. Thẩm phán tiến hành thủ tục phá sản căn cứ vào từng vụ việc cụ thể quyết định mức tạm ứng chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản nhưng không thấp hơn 10 tháng lương. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản nhận tạm ứng chi phí thực hiện việc thanh, quyết toán theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu phát sinh những chi phí cần thiết, hợp lý khác phục vụ giải quyết vụ việc, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có quyền đề xuất Thẩm phán bổ sung tạm ứng chi phí. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Thẩm phán xem xét, quyết định việc bổ sung tạm ứng chi phí; trường hợp không chấp nhận phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do.

Chương IV
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUẢN TÀI VIÊN,
DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan

1. Bộ Tư pháp là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong phạm vi cả nước, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản;

b) Ban hành Quy tắc đạo đức nghề nghiệp Quản tài viên;

c) Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản theo thẩm quyền;

d) Thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển nghề quản lý, thanh lý tài sản theo thẩm quyền;

đ) Hợp tác quốc tế về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản theo thẩm quyền;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp trong công tác quản lý nhà nước về Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản và quản lý Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương;

b) Cấp, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên;

c) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương theo thẩm quyền;

d) Báo cáo Bộ Tư pháp về Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương theo định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu;

đ) Thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương;

e) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương quy định tại khoản 1 Điều này, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Đăng ký hành nghề cho Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương;

b) Tạm đình chỉ, gia hạn, hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản; xóa tên Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản khỏi danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản;

c) Rà soát, thống kê và báo cáo số liệu về Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương; rà soát, phát hiện các trường hợp thuộc diện thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên tại địa phương theo quy định;

d) Kiểm tra và xử lý vi phạm đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong phạm vi địa phương theo thẩm quyền;

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản theo thẩm quyền;

e) Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tư pháp về Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương định kỳ hằng năm và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

g) Lập và công bố danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản

lý, thanh lý tài sản tại địa phương mình theo Mẫu TP-QTV-08 kèm theo Nghị định này; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp Danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bị tạm đình chỉ, gia hạn, hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, danh sách Quản tài viên bị thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên;

h) Cập nhật Danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, các thông tin theo quy định tại khoản 5 Điều 8, khoản 4 Điều 13, khoản 5 Điều 14, khoản 1, khoản 2 Điều 17 của Nghị định này vào phần mềm quản lý hoạt động hỗ trợ tư pháp của Bộ Tư pháp khi phần mềm được đưa vào vận hành;

i) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Xử lý vi phạm đối với các hành vi xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

Người có hành vi xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản hoặc cản trở Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản hành nghề thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Xử lý vi phạm đối với cá nhân, tổ chức hành nghề quản lý, thanh lý tài sản bất hợp pháp

1. Cá nhân không đủ điều kiện hành nghề quản lý, thanh lý tài sản mà hành nghề quản lý, thanh lý tài sản dưới bất kỳ hình thức nào thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức không đủ điều kiện hành nghề quản lý, thanh lý tài sản mà hành nghề quản lý, thanh lý tài sản dưới bất kỳ hình thức nào thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Khiếu nại, tố cáo

1. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có quyền khiếu nại đối với quyết định, hành vi hành chính của cơ quan thi hành án dân sự và các cơ quan, tổ chức khác khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi hành chính đó xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Việc giải quyết khiếu nại tuân theo quy định của pháp luật về khiếu nại, pháp luật về thi hành án.

2. Cá nhân có quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các hành vi vi phạm pháp luật về phục hồi, phá sản, Quy tắc đạo đức nghề nghiệp Quản tài viên. Việc giải quyết tố cáo tuân theo quy định của pháp luật về tố cáo.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp

1. Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên do Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành được tiếp tục sử dụng; người được cấp chứng chỉ có trách nhiệm và hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản theo quy định của Nghị định này.

2. Hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính được quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 13, Điều 14, Điều 17 của Nghị định này đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc đã được đóng dấu bưu chính nơi gửi đi trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thì việc giải quyết được thực hiện theo quy định của Nghị định số 22/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 112/2025/NĐ-CP và Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.

3. Trường hợp Thẩm phán tiến hành thủ tục phá sản chỉ định được Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản theo quy định của Luật Phá sản số 51/2014/QH13 và vụ việc phá sản chưa giải quyết xong thì chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản được thực hiện theo quy định của Nghị định này, trừ trường hợp vụ việc phá sản theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Phục hồi, phá sản đã chỉ định Quản tài viên thì chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản được thực hiện theo quy định của Nghị định số 22/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 112/2025/NĐ-CP và Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Điểm b khoản 1 Điều 5, điểm c khoản 2 Điều 7 của Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027; khoản 5 Điều 15 của Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

3. Nghị định này thay thế Nghị định số 22/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 112/2025/NĐ-CP và Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.

4. Bãi bỏ các quy định có liên quan sau đây:

a) Điều 3 của Nghị định số 112/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp;

b) Điều 7 của Nghị định số 18/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, PL (2b). **70**





Phụ lục
MỘT SỐ BIỂU MẪU

*(Kèm theo Nghị định số 65/2026/NĐ-CP
ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ)*

Mẫu TP-QTV-01	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên (dùng cho người đề nghị là công dân Việt Nam)
Mẫu TP-QTV-02	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên (dùng cho người đề nghị là luật sư nước ngoài, kiểm toán viên là người nước ngoài)
Mẫu TP-QTV-03	Đơn đề nghị thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên
Mẫu TP-QTV-04	Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên (dùng cho trường hợp đã bị thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên)
Mẫu TP-QTV-05	Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên (dùng cho trường hợp chứng chỉ bị mất hoặc bị hư hỏng không thể sử dụng được)
Mẫu TP-QTV-06	Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân
Mẫu TP-QTV-07	Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
Mẫu TP-QTV-08	Danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản
Mẫu TP-QTV-09	Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
3x4

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ QUẢN TÀI VIÊN
(Dùng cho người đề nghị là công dân Việt Nam)

Kính gửi:.....

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Tôi tên là:..... Giới tính (1):

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... Nơi sinh (2):.....

Nơi thường trú (3):

Nơi ở hiện tại (4):.....

Số điện thoại (5):.....

Địa chỉ thư điện tử (6):.....

Số Thẻ căn cước/Số Thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu: Ngày, tháng, năm cấp (7):...../...../..... Nơi cấp (8):

Dân tộc (9):..... Tôn giáo (10):

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị định này, tôi là:

☐ Luật sư

☐ Kiểm toán viên

☐ Người có trình độ cử nhân hoặc thạc sĩ hoặc tiến sĩ về một trong các chuyên ngành luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên trong lĩnh vực được đào tạo

Dự kiến đăng ký hành nghề: (11).....

II. QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN ⁽¹²⁾

Thời gian (từ / ... / ... đến ... / ... / ...)	Chức danh, chức vụ, công việc được giao	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Ghi chú

III. ĐÃ BỊ KẾT ÁN

(Ghi đầy đủ các tội danh, số và ngày ra bản án, kể cả trong trường hợp đã được xóa án tích; nếu không có thì ghi “Không có”)

.....

.....

IV. ĐÃ BỊ XỬ LÝ KỶ LUẬT, ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

(Ghi đầy đủ các hình thức và thời gian bị xử lý kỷ luật, áp dụng biện pháp xử lý hành chính; nếu không có thì ghi “Không có”)

.....

.....

Tôi đề nghị được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên. Tôi xin cam đoan tuân thủ các nguyên tắc hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Quản tài viên theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành
nghề Quản tài viên gồm có:

- 1.....
- 2.....
- 3.....
- 4.....
- 5.....

....., ngày... tháng... năm...

Người đề nghị

(Chữ ký/chữ ký số, họ tên)

Ghi chú:

1. Các thông tin số (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10):
 - Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.
 - Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính): người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.
2. Thông tin số (11): Ghi rõ dự kiến đăng ký hành nghề với tư cách cá nhân hoặc hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Nếu hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì ghi rõ thành lập hoặc tham gia thành lập hoặc làm việc theo hợp đồng.
3. Thông tin số (12): Người thực hiện thủ tục hành chính kê khai quá trình hoạt động của bản thân từ khi đủ 18 tuổi đến nay và tương ứng với đối tượng thực hiện thủ tục hành chính là: luật sư; kiểm toán viên hoặc người có trình độ cử nhân hoặc thạc sĩ hoặc tiến sĩ về một trong các chuyên ngành luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên trong lĩnh vực được đào tạo và gửi kèm theo các giấy tờ chứng minh quá trình hoạt động của bản thân.
4. Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
3x4

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ QUẢN TÀI VIÊN
*(Dùng cho người đề nghị là luật sư nước ngoài,
kiểm toán viên là người nước ngoài)*

Kính gửi:.....

Tôi tên là:..... Giới tính:.....
Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Nơi sinh:
Quốc tịch:
Nơi ở hiện tại:
Số điện thoại:..... Địa chỉ thư điện tử:
Số Hộ chiếu:..... Ngày, tháng, năm cấp:...../...../.....
Nơi cấp:
Dự kiến đăng ký hành nghề (1):.....
Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam/Chứng chỉ kiểm toán viên số:.....
Ngày, tháng, năm cấp:...../...../.....
Đang làm việc tại tổ chức hành nghề luật sư/doanh nghiệp kiểm toán:
Tên:
Địa chỉ trụ sở:.....
Số điện thoại:..... Địa chỉ thư điện tử:
Tôi đề nghị được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên. Tôi xin cam đoan tuân thủ các nguyên tắc hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Quản tài viên do pháp luật quy định.

Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành
nghề Quản tài viên gồm có:, ngày... tháng... năm...
1.....
2.....

Người đề nghị
(Chữ ký/chữ ký số, họ tên)

Ghi chú: Thông tin số (1): Ghi rõ dự kiến đăng ký hành nghề với tư cách cá nhân hoặc hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Nếu hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì ghi rõ thành lập hoặc tham gia thành lập hoặc làm việc theo hợp đồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
3x4

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THU HỒI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ QUẢN TÀI VIÊN

Kính gửi:.....

Tôi tên là:..... Giới tính (1):

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... Nơi sinh (2):.....

Nơi thường trú (3):

Nơi ở hiện tại (4):.....

Số điện thoại (5):.....

Địa chỉ thư điện tử (6):.....

Số Thẻ căn cước/Số Thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu: Ngày, tháng, năm cấp (7):...../...../..... Nơi cấp (8):

Dân tộc (9):..... Tôn giáo (10):

Đã được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số..... do..... cấp ngày...../...../.....

Quá trình hành nghề Quản tài viên từ khi được cấp chứng chỉ đến nay:.....

.....

Tôi làm đơn này đề nghị được thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên vì lý do..... Tôi cam đoan đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của Quản tài viên và các nghĩa vụ, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Tôi cam đoan những thông tin cung cấp nêu trên là đúng sự thật; nếu sai tôi xin chịu toàn bộ trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

**Xác nhận của doanh nghiệp quản lý,
 thanh lý tài sản (11)**

(Chữ ký/chữ ký số, họ tên của người xác nhận; dấu/chữ ký số của doanh nghiệp)

....., ngày... tháng... năm...

Người đề nghị

(Chữ ký/chữ ký số, họ tên)

Ghi chú:

1. Các thông tin số (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10):

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

- Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính): người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.

2. Thông tin số (11): Trường hợp Quản tài viên hành nghề với tư cách cá nhân thì không có xác nhận này.

3. Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
3x4

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ QUẢN TÀI VIÊN
*(Dùng cho trường hợp đã bị thu hồi chứng chỉ
hành nghề Quản tài viên)*

Kính gửi:.....

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Tôi tên là:..... Giới tính (1):

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... Nơi sinh (2):.....

Nơi thường trú (3):

Nơi ở hiện tại (4):.....

Số điện thoại (5):.....

Địa chỉ thư điện tử (6):.....

Số Thẻ căn cước/Số Thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu: Ngày, tháng, năm cấp (7):...../...../..... Nơi cấp (8):

Dân tộc (9):..... Tôn giáo (10):

Đã được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số..... ngày..../..../..... do..... cấp.

Đã bị thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên theo Quyết định số..... ngày..../..../..... của.... ; lý do thu hồi :.....

II. QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN (11) *(tính từ thời điểm được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên cho đến nay)*

Thời gian (từ /... /... đến ... /... /...)	Chức danh, chức vụ, công việc được giao	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Ghi chú

III. ĐÃ BỊ KẾT ÁN (tính từ thời điểm được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên cho đến nay)

(Ghi đầy đủ các tội danh, số và ngày ra bản án, kể cả trong trường hợp đã được xóa án tích; nếu không có thì ghi “Không có”)

.....

.....

IV. ĐÃ BỊ XỬ LÝ KỶ LUẬT, ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH (tính từ thời điểm được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên cho đến nay)

(Ghi đầy đủ các hình thức và thời gian bị xử lý kỷ luật, áp dụng biện pháp xử lý hành chính; nếu không có thì ghi “Không có”)

.....

.....

Tại thời điểm làm đơn này, lý do bị thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên không còn (ghi rõ tại sao và giấy tờ chứng minh là gì).....

Tôi làm đơn này đề nghị được cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên.

Dự kiến đăng ký hành nghề: (12).....

Tôi xin cam đoan tuân thủ các nguyên tắc hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Quản tài viên theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên gồm có:

- 1.....
- 2.....
- 3.....
- 4.....
- 5.....

....., ngày... tháng... năm...

Người đề nghị

(Chữ ký/chữ ký số, họ tên)

Ghi chú:

1. Các thông tin số (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10):

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

- Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính): người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.

2. Thông tin số (11): Người thực hiện thủ tục hành chính kê khai quá trình hoạt động của bản thân tương ứng với đối tượng thực hiện thủ tục hành chính là: luật sư; kiểm toán viên hoặc người có trình độ cử nhân hoặc thạc sĩ hoặc tiến sĩ về một trong các chuyên ngành luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên trong lĩnh vực được đào tạo và gửi kèm theo các giấy tờ chứng minh quá trình hoạt động của bản thân.

3. Thông tin số (12): Ghi rõ dự kiến đăng ký hành nghề với tư cách cá nhân hoặc hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Nếu hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì ghi rõ thành lập hoặc tham gia thành lập hoặc làm việc theo hợp đồng.

4. Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
3x4

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ QUẢN TÀI VIÊN
*(Dùng cho trường hợp chứng chỉ bị mất hoặc bị hư hỏng
không thể sử dụng được)*

Kính gửi:.....

Tôi tên là:..... Giới tính (1):
 Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... Nơi sinh:
 Quốc tịch (2):
 Nơi ở hiện tại (3):.....
 Nơi thường trú (4):
 Số điện thoại (5):.....
 Địa chỉ thư điện tử (6):.....
 Số Thẻ căn cước/Số Thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu: Ngày, tháng, năm cấp (7):...../...../..... Nơi cấp (8):
 Đã được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số..... ngày...../...../..... do..... cấp.
 Đăng ký hành nghề (9):.....
 Lý do xin cấp lại:
 Kính đề nghị quý cơ quan xem xét và cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên cho tôi. Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung ghi trong đơn này.

....., ngày... tháng... năm...

Người đề nghị
(Chữ ký/chữ ký số, họ tên)

Ghi chú:

1. Các thông tin số (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8):
 - Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.
 - Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính): người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.
2. Thông tin số (9): Ghi rõ đăng ký hành nghề với tư cách cá nhân hoặc hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản hoặc chưa đăng ký hành nghề. Nếu hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì ghi rõ thành lập hoặc tham gia thành lập hoặc làm việc theo hợp đồng và có xác nhận của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản nơi đăng ký hành nghề.
3. Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN
VỚI TƯ CÁCH CÁ NHÂN

Kính gửi:.....

Tôi tên là:..... Giới tính (1):
 Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....
 Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số:..... do.....
 cấp ngày, tháng, năm:...../...../.....

Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân với các nội dung sau đây:

1. Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):.....
 Số điện thoại (2):.....
 Địa chỉ thư điện tử (3):.....
 Số Thẻ căn cước/Số Thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu (4):..... Ngày, tháng, năm cấp (5):...../...../..... Nơi cấp (6):.....
 Nơi thường trú (7):.....
 Nơi ở hiện tại (8):.....
 Địa chỉ giao dịch:.....
 Số điện thoại:
 Địa chỉ thư điện tử:
2. Lĩnh vực hành nghề: Theo quy định của Luật Phục hồi, phá sản.
 Tôi xin cam đoan nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do pháp luật quy định.

....., ngày... tháng... năm...

Người đề nghị

(Chữ ký/chữ ký số, họ tên)

Ghi chú:

1. Các thông tin số (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8):
 - Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.
 - Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính): người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.
2. Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Mẫu TP-QTV-07

**TÊN DOANH NGHIỆP
QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN
CỦA DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN (1)**

Kính gửi:.....

1. Tên gọi đầy đủ của doanh nghiệp:.....

Tên giao dịch:.....

2. Thông tin liên quan:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày...../...../.....
do..... cấp

Số điện thoại:

Địa chỉ thư điện tử:

Website:

Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với các nội dung sau đây:

1. Tên doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (ghi bằng chữ in hoa):

.....

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

Tên tiếng Anh (nếu có):

2. Chủ doanh nghiệp tư nhân (đối với doanh nghiệp tư nhân quản lý, thanh lý tài sản):

Họ và tên:..... Giới tính (2):.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Số Thẻ căn cước/Số Thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu:.....Ngày, tháng, năm cấp (3):...../...../.....Nơi cấp (4):

Nơi thường trú (5):

Nơi ở hiện tại (6):.....

Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số:do..... cấp ngày, tháng, năm:...../...../.....

3. Thành viên hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc là Quản tài viên (đối với công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản):

a) Họ và tên:..... Giới tính (7):.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Số Thẻ căn cước/Số Thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu:.....Ngày, tháng, năm cấp (8):...../...../..... Nơi cấp (9):

Nơi thường trú (10):

Nơi ở hiện tại (11):.....

Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số:do..... cấp ngày, tháng, năm:...../...../.....

b) Họ và tên:..... Giới tính (12):

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Số Thẻ căn cước/Số Thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu:.....Ngày, tháng, năm cấp (13):...../...../..... Nơi cấp (14):

Nơi thường trú (15):

Nơi ở hiện tại (16):.....

Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số:do..... cấp ngày, tháng, năm:...../...../.....

c) Họ và tên:..... Giới tính (17):.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Số Thẻ căn cước/Số Thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu:.....Ngày, tháng, năm cấp (18):...../...../..... Nơi cấp (19):

Nơi thường trú (20):

Nơi ở hiện tại (21):.....

Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số:do..... cấp ngày, tháng, năm:...../...../.....

4. Danh sách những người hành nghề quản lý, thanh lý tài sản khác trong doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh (nếu có):

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên (Ghi rõ số, ngày cấp)	Địa chỉ, số điện thoại liên hệ

5. Lĩnh vực hành nghề: Theo quy định của Luật Phục hồi, phá sản.

Tôi/chúng tôi xin cam đoan nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do pháp luật quy định.

....., ngày... tháng... năm...

Chữ ký/chữ ký số ghi rõ họ tên, đóng dấu

Ghi chú:

1. Thông tin số (1): Mẫu này cũng được áp dụng cho trường hợp doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thay đổi thành viên hợp danh quy định tại khoản 3 Điều 11 của Nghị định này.

2. Các thông tin số (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (14), (15), (16), (17), (18), (19), (20), (21):

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

- Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính): người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.

3. Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Mẫu TP-QTV-08

SỞ TƯ PHÁP TỈNH,
THÀNH PHỐ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
QUẢN TÀI VIÊN, DOANH NGHIỆP HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ,
THANH LÝ TÀI SẢN

I. QUẢN TÀI VIÊN HÀNH NGHỀ VỚI TƯ CÁCH CÁ NHÂN

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên (Ghi rõ số, ngày cấp)	Địa chỉ giao dịch, số điện thoại, fax, email	Ghi chú
1					
2					

II. DOANH NGHIỆP HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN

TT	Tên doanh nghiệp	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Ghi rõ số, ngày cấp)	Địa chỉ trụ sở, số điện thoại, fax, email	Họ, tên, số chứng chỉ của Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp (Ghi rõ số, ngày cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên)	Ghi chú
1					
2					

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ QUẢN TÀI VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Nguyên tắc hành nghề quản
lý, thanh lý tài sản**

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.
2. Tuân theo Quy tắc đạo đức nghề nghiệp Quản tài viên.
3. Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ, tính trung thực, minh bạch, khách quan.
4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động hành nghề.

**Quốc huy nước Cộng hòa
xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ QUẢN TÀI VIÊN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ QUẢN TÀI VIÊN**

Số: /TP/QTV-CCHN

Ảnh 3x4

Cấp cho ông (bà):

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số Thẻ căn cước/Số Thẻ căn cước công dân/ Số
định danh cá nhân/Số Hộ chiếu:.....

Nơi thường trú:

Chữ ký

....., ngày... tháng... năm...

CHỦ TỊCH

(Ký, họ tên, đóng dấu)